TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06 /2025/ HNGĐ - ST Ngày 16/ 9/ 2025. Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Mai Văn Chất.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Trần Quốc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 54/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 2000; căn cước công dân số: 0373000012xx cấp ngày 09/01/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi ĐKHKTT: Xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Tổ F, phố N, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 0370970031xx.

Địa chỉ: Xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: Chị Trần Thị H; vắng mặt anh Phan Thanh T (anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Phan Thanh T, sau thời gian tự do tìm hiểu, sau đó có làm thủ tục đăng kí kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn chị và anh T về sống chung cùng với gia đình anh T, tại xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình, trong quá trình chung sống cho đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do anh T hay chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau nhiều lần. Anh T mải mê chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con và đã nhiều lần anh T vắng nhà, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T không

nghe, mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được tính cách cũng như không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, nên năm 2022 chị đã dọn về nhà mẹ đẻ chị, tại phố N, xã P để làm ăn, sinh sống. Chị và anh T sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Vì vậy chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người.

Về con chung: Chị và anh T cho đến nay có 01 người con chung là cháu Phan Đăng K, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2020, hiện tại cháu K đang do chị nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn chị yêu cầu giao cháu K cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH M, khu công nghiệp Đ nên có mức lương hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện nuôi cháu nên chị không yêu cầu. Về con riêng chị xác định chị và anh T không ai có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Thanh T, hiện tại anh đang có hộ khẩu tại xã P, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh T, song do anh T đi làm không có mặt ở nhà để nhận nên Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho ông Phan Văn D là bố đẻ của anh T nhận thay và ông D cam kết giao lại cho anh T, sau đó Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản làm việc với ông Phan Văn D, được ông D cho biết sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án ông đã điện thoại thông báo cho anh T biết về nội dung chị H xin ly hôn anh, anh T biết nhưng không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2025 tại chính quyền địa phương cho biết anh T đang có hộ khẩu tại địa phương, chị H và anh T quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, chị H và anh T có một con chung sinh năm 2020, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Bản thân anh T đang sống cùng với bố mẹ đẻ, anh T thường đi ra Hà nội để làm thợ sơn, tháng về nhà một đến hai lần. Để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của anh T Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho gia đình và tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh T biết được việc chị H xin ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo của Tòa án, không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ và bản tự khai cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh T phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến

hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nay anh Phan Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H xử cho ly hôn với anh Phan Thanh T. Về con chung: Giao cháu Phan Đăng K, sinh 02 tháng 02 năm 2020 cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị vì chị có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu, còn anh T không có yêu cầu gì, do vậy về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị Trần Thị H không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng về án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Thanh T, có địa chỉ tại xã P, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 28/8/2025 có mặt chị Trần Thị H còn anh Phan Thanh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị H có mặt, còn anh Phan Thanh T vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phan Thanh T có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại UBND xã T, huyện K (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình). Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hay cãi chửi nhau, nên đến năm 2022 chị H đã dọn về nhà mẹ đẻ chị để sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Căn cứ vào các tài liệu chị H giao nộp cũng như qua biên bản làm việc với gia đình anh T và xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị H và anh T đang sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh T đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh. Anh T biết được việc chị H xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến gì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng như khi Tòa án hòa giải, anh T luôn vắng mặt và anh không giao nộp bất cứ tài liệu gì để thể hiện anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ khi chị H xin ly hôn anh. Như vậy thấy rằng tình cảm giữa chị H và anh T dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh T cho đến nay có một con chung là cháu Phan Đăng K, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2020, hiện tại cháu đang do chị H nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu giao cháu K cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị, hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH M, khu công nghiệp Đ nên có mức lương ổn định từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Anh T không có quan điểm gì kể từ khi chị H nuôi cháu cho đến nay. Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị H thấy rằng, chị có đủ điều kiện nuôi cháu và cháu đang có cuộc sống ổn định nên cần giao cháu K cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu kể từ khi ly hôn cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về con riêng chị H và anh T không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị H không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với anh Phan Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Phan Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Phan Đăng K, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2020 cho chị Trần Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi thành niên.

"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Phan Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị H.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002035 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dấn sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã P.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung